

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

---

## MỤC LỤC

|   | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 2 - 3        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 4 - 5        |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 6 - 7        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 9            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 10 - 64      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho tới ngày lập Báo cáo này bao gồm:

| <u>Họ và tên</u>                | <u>Chức vụ</u>    | <u>Bổ nhiệm</u> | <u>Miễn nhiệm</u> |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|
| <b><u>Hội đồng quản trị</u></b> |                   |                 |                   |
| Ông Đoàn Thành Đạt              | Chủ tịch          | 27/4/2012       | 25/4/2015         |
| Ông Lê Văn Điệp                 | Chủ tịch          | 25/4/2015       |                   |
| Ông Nguyễn Quốc Tín             | Thành viên        |                 |                   |
| Ông Phan Văn Nghiệp             | Thành viên        | 27/4/2012       | 25/4/2015         |
| Ông Trần Hoàng Huân             | Thành viên        |                 |                   |
| Ông Lê Phú Cự                   | Thành viên        | 27/4/2012       | 25/4/2015         |
| Ông Lê Vinh Hiền                | Thành viên        | 25/4/2015       |                   |
| Bà Nguyễn Thị Hương             | Thành viên        | 25/4/2015       |                   |
| <b><u>Ban kiểm soát</u></b>     |                   |                 |                   |
| Ông Nguyễn Hà Trường Hải        | Trưởng ban        | 27/4/2012       | 12/11/2015        |
| Ông Nguyễn Hà Trường Hải        | Thành viên        | 12/11/2015      |                   |
| Ông Vũ Duy Hưng                 | Thành viên        |                 |                   |
| Ông Trương Bích Huyền           | Thành viên        | 25/4/2015       |                   |
| Ông Trương Bích Huyền           | Trưởng ban        | 12/11/2015      |                   |
| <b><u>Ban Tổng Giám đốc</u></b> |                   |                 |                   |
| Ông Trần Hoàng Huân             | Tổng Giám đốc     |                 |                   |
| Ông Nguyễn Hữu Hiệp             | Phó Tổng Giám đốc |                 |                   |
| Ông Vũ Huy Giáp                 | Phó Tổng Giám đốc |                 |                   |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa          | Phó Tổng Giám đốc |                 |                   |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**TRẦN HOÀNG HUÂN - Tổng Giám đốc**

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016, từ trang 6 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



---

**VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

---

**NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2013-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2015             |  | 31/12/2014             |  |
|--|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
|  |            |             |                        |  |                        |  |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>450.920.673.929</b> |  | <b>295.703.471.289</b> |  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>82.141.015.819</b>  |  | <b>112.384.155.114</b> |  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 26.267.174.802         |  | 50.943.293.727         |  |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 55.873.841.017         |  | 61.440.861.387         |  |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>7.537.639.389</b>   |  | <b>-</b>               |  |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123        | V.2a        | 7.537.639.389          |  | -                      |  |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>168.676.568.705</b> |  | <b>118.249.957.736</b> |  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | V.3a        | 161.455.027.796        |  | 118.273.443.119        |  |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | V.4a        | 7.341.005.630          |  | 3.335.980.604          |  |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        |             | -                      |  | 177.000.000            |  |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | V.5a        | 20.344.248.135         |  | 12.984.777.394         |  |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | V.6a        | (20.463.712.856)       |  | (16.562.243.381)       |  |
| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139        |             | -                      |  | 41.000.000             |  |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>190.388.545.938</b> |  | <b>63.834.893.247</b>  |  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 190.710.531.975        |  | 64.156.879.284         |  |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (321.986.037)          |  | (321.986.037)          |  |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>2.176.904.078</b>   |  | <b>1.234.465.192</b>   |  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | V.8a        | 39.581.960             |  | 244.520.614            |  |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 2.118.655.765          |  | 893.881.965            |  |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        |             | 18.666.353             |  | 96.062.613             |  |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>151.289.597.073</b> |  | <b>110.001.184.190</b> |  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>69.000.000</b>      |  | <b>688.019.388</b>     |  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng           | 211        | V.3b        | 397.848.337            |  | 397.848.337            |  |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn           | 212        | V.4b        | 82.177.000             |  | 82.177.000             |  |
| 3. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | V.5b        | 69.000.000             |  | 688.019.388            |  |
| 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi         | 219        | V.6b        | (480.025.337)          |  | (480.025.337)          |  |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>104.558.171.221</b> |  | <b>94.028.445.383</b>  |  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | V.9         | 102.297.238.153        |  | 91.652.635.223         |  |
| Nguyên giá                                   | 222        |             | 264.453.740.630        |  | 238.178.705.598        |  |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (162.156.502.477)      |  | (146.526.070.375)      |  |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | V.10        | 2.260.933.068          |  | 2.375.810.160          |  |
| Nguyên giá                                   | 228        |             | 2.821.818.560          |  | 2.821.818.560          |  |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (560.885.492)          |  | (446.008.400)          |  |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> | <b>V.11</b> | <b>-</b>               |  | <b>802.108.000</b>     |  |
| Nguyên giá                                   | 231        |             | -                      |  | 802.108.000            |  |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | -                      |  | -                      |  |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | <b>6.940.035.005</b>   |  | <b>2.525.676.945</b>   |  |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.12        | 6.940.035.005          |  | 2.525.676.945          |  |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> |             | <b>27.924.840.313</b>  |  | <b>302.162.134</b>     |  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        | V.2b        | 324.840.313            |  | 302.162.134            |  |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 255        | V.2a        | 27.600.000.000         |  | -                      |  |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>11.797.550.534</b>  |  | <b>11.654.772.340</b>  |  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | V.8b        | 3.738.372.338          |  | 3.306.927.964          |  |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        | V.13        | 8.059.178.196          |  | 8.347.844.376          |  |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>602.210.271.002</b> |  | <b>405.704.655.479</b> |  |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU  | Mã số       | Thuyết minh | 31/12/2015             | 31/12/2014             |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |             |             |                        |                        |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b>  |             | <b>397.304.496.546</b> | <b>242.605.327.193</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b>  |             | <b>365.519.903.546</b> | <b>236.844.327.193</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                    | 311         | V.14        | 88.882.540.162         | 60.412.552.654         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                              | 312         | V.15        | 37.402.514.766         | 49.176.035.911         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                            | 313         | V.16        | 9.254.545.301          | 9.208.030.141          |
| 4. Phải trả người lao động  | 314         |             | 9.455.012.217          | 7.881.799.953          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                      | 315         | V.17        | 31.351.790.264         | 30.529.532.178         |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                              | 318         | V.18        | 1.419.090.909          | -                      |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác   | 319         | V.19        | 4.301.444.135          | 4.919.493.810          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                              | 320         | V.20a       | 179.580.763.853        | 70.334.005.314         |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                                     | 321         | V.21        | 3.123.724.924          | 2.864.457.297          |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                     | 322         | V.22        | 748.477.015            | 1.518.419.935          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b>  |             | <b>31.784.593.000</b>  | <b>5.761.000.000</b>   |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                                  | 338         | V.20b       | 31.784.593.000         | 5.761.000.000          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>  | <b>400</b>  |             | <b>204.905.774.456</b> | <b>163.099.328.286</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>  | <b>410</b>  | <b>V.23</b> | <b>204.905.774.456</b> | <b>163.099.328.286</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu   | 411         |             | 100.000.000.000        | 100.000.000.000        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>                     | <i>411a</i> |             | <i>100.000.000.000</i> | <i>100.000.000.000</i> |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần   | 412         |             | 10.700.000.000         | 10.700.000.000         |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển  | 418         |             | 30.760.760.484         | 29.068.093.760         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                              | 421         |             | 58.254.215.923         | 18.229.061.266         |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> |             | <i>2.309.036.369</i>   | <i>1.302.394.031</i>   |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>                   | <i>421b</i> |             | <i>55.945.179.554</i>  | <i>16.926.667.235</i>  |
| 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                                | 429         |             | 5.190.798.049          | 5.102.173.260          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                             | <b>430</b>  |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>  | <b>440</b>  |             | <b>602.210.271.002</b> | <b>405.704.655.479</b> |

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016



**TRẦN HOÀNG HUÂN**  
Tổng Giám đốc

**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
Kế toán trưởng

**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MAU B02-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh  | 2015                   | 2014                   |
|--|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
|  |           |              |                        |                        |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                  | 01        |              | 699.753.049.544        | 525.600.009.856        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                            | 02        |              | 281.937.074            | 551.231.706            |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> | <b>VI.1</b>  | <b>699.471.112.470</b> | <b>525.048.778.150</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11        | VI.2         | 549.158.942.161        | 437.038.476.577        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>    | <b>20</b> |              | <b>150.312.170.309</b> | <b>88.010.301.573</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                           | 21        | VI.3         | 3.274.301.447          | 1.257.050.297          |
| 7. Chi phí tài chính                                       | 22        | VI.4         | 3.320.885.991          | 4.939.143.562          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                           | 23        |              | 3.308.798.021          | 4.894.876.260          |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết     | 24        | V.2b         | 58.937.635             | 42.162.134             |
| 9. Chi phí bán hàng  | 25        | VI.5         | 58.411.604.618         | 45.387.370.647         |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 26        | VI.6         | 30.036.915.305         | 25.982.469.350         |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |              | <b>61.876.003.477</b>  | <b>13.000.530.445</b>  |
| 12. Thu nhập khác  | 31        |              | 5.663.050.049          | 9.222.203.924          |
| 13. Chi phí khác   | 32        |              | 3.921.060.297          | 3.512.089.631          |
| <b>14. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>                             | <b>40</b> | <b>VI.7</b>  | <b>1.741.989.752</b>   | <b>5.710.114.293</b>   |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>50</b> |              | <b>63.617.993.229</b>  | <b>18.710.644.738</b>  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành           | 51        | VI.8         | 7.318.235.383          | 3.273.415.616          |
| 17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52        | V.13         | 288.666.180            | (1.574.956.702)        |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>60</b> |              | <b>56.011.091.666</b>  | <b>17.012.185.824</b>  |
| <i>Trong đó:</i>   |           |              |                        |                        |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ              | 61        |              | 55.945.179.554         | 16.926.667.235         |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát             | 62        |              | 65.912.112             | 85.518.589             |
| <b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                        | <b>70</b> | <b>VI.9a</b> | <b>4.979</b>           | <b>1.572</b>           |
| <b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                      | <b>71</b> | <b>VI.9b</b> | <b>4.979</b>           | <b>1.572</b>           |

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016



**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
Kế toán trưởng

**LÊ MỸ PHƯỢNG**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU B03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | 2015                    | 2014                   |
|--|-------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |       |             |                         |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    |             | 63.617.993.229          | 18.710.644.738         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản  |       |             |                         |                        |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02    |             | 17.099.066.909          | 20.114.108.389         |
| - Các khoản dự phòng   | 03    |             | 4.160.737.102           | 2.138.252.482          |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ     | 04    |             | 4.518.179               | 10.387.894             |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05    |             | (3.122.791.275)         | (1.333.891.157)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06    |             | 3.308.798.021           | 4.894.876.260          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08    |             | 85.068.322.165          | 44.534.378.606         |
| - (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu  | 09    | VII         | (51.693.537.600)        | 6.184.410.896          |
| - (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho  | 10    |             | (122.562.294.318)       | 23.996.354.755         |
| - Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | VII         | 16.208.589.216          | 24.261.302.040         |
| - (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước   | 12    |             | (226.505.720)           | 749.370.274            |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14    | VII         | (5.176.284.982)         | (5.364.311.869)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    |             | (5.411.202.904)         | (1.896.027.043)        |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17    |             | (1.953.040.000)         | (2.331.331.500)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | 20    |             | <b>(85.745.954.143)</b> | <b>90.134.146.159</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |       |             |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          | 21    | VII         | (32.213.354.319)        | (9.908.596.123)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       | 22    |             | 948.077.637             | 54.545.455             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23    |             | (35.137.639.389)        | (177.000.000)          |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24    |             | 177.000.000             | -                      |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27    | VII         | 2.762.897.559           | 1.253.967.875          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | 30    |             | <b>(63.463.018.512)</b> | <b>(8.777.082.793)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |       |             |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    |             | 263.492.094.175         | 280.993.593.947        |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    |             | (128.221.742.636)       | (265.322.326.619)      |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    | VII         | (16.300.000.000)        | (12.820.575.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | 40    |             | <b>118.970.351.539</b>  | <b>2.850.692.328</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | 50    |             | <b>(30.238.621.116)</b> | <b>84.207.755.694</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>   | 60    |             | <b>112.384.155.114</b>  | <b>28.186.787.314</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | (4.518.179)             | (10.387.894)           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | 70    |             | <b>82.141.015.819</b>   | <b>112.384.155.114</b> |

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016



**TRẦN HOÀNG HUÂN**  
Tổng Giám đốc

**LÊ MỸ PHƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**LÊ MỸ PHƯƠNG**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B09-DN/HN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 12 ngày 23 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 51/2011/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng và giá trị cổ phiếu niêm yết tương ứng là 8.000.000 cổ phiếu và 80.000.000.000 VND. Ngày 28 tháng 7 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là THG.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 28/2011/GCNCP-VSD-1 ngày 19 tháng 02 năm 2014 và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 49/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 02 năm 2014 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 8.000.000 cổ phiếu lên 10.000.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 100.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 10.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

#### • Trụ sở hoạt động

##### Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
Điện thoại : (84-073) 3 872 878  
Fax : (84-073) 3 850 597  
Website : www.ticco.com.vn  
Email : ticco@ticco.com.vn  
Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

##### Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Địa chỉ : Số 166, Đường Ấp Bắc, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Mã số thuế : 1200526842-007

#### Địa điểm kinh doanh

Địa điểm số 1 : Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa

Địa điểm số 2 : Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi

Địa điểm số 3 : Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Địa điểm số 4 : Xí nghiệp Thi công Cơ giới

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Kinh doanh bất động sản.

## 3. Ngành, nghề kinh doanh

Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương. Kinh doanh cát san lấp. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản. Thi công xây dựng các công trình dân dụng. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp. Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan. Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát. Quảng cáo bất động sản. Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thi công công trình xây dựng thủy lợi; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công cơ giới; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng và kinh doanh bất động sản. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## 5. Cấu trúc của Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 1 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ, 1 Chi nhánh và 4 Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc. Tất cả các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết như sau:

### Công ty con

| Tên công ty                    | Địa chỉ   | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--------------------------------|---|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành | Sản xuất, kinh doanh bê tông   | 100,00%           | 100,00%                |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Tên công ty                                       | Địa chỉ  | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu        | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|---------------------------------------|-------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO                   | phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang<br>Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | Thi công công trình xây dựng thủy lợi | 100,00%           | 100,00%                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang | Số 3 Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang                               | Thi công công trình xây dựng thủy lợi | 75,42%            | 75,42%                 |

#### Công ty liên kết

| Tên công ty            | Địa chỉ   | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu                                 | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|------------------------|---|--|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Testco | Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình | 20%               | 20%                    |

#### Các Xí nghiệp trực thuộc và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị   | Địa chỉ   | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu        |
|--|---|---------------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL) | Số 166, Đường Ấp Bắc, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | Kinh doanh bất động sản               |
| Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa  | Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang   | Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí    |
| Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi  | Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang   | Thi công công trình xây dựng thủy lợi |
| Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng   | Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang   | Kinh doanh vật liệu xây dựng          |
| Xí nghiệp Thi công Cơ giới   | Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang   | Thi công cơ giới, cho thuê thiết bị   |

#### 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các công ty con) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 434 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 435 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, xem Thuyết minh số VIII.5.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên kết, nếu phát sinh lãi, Công ty chỉ ghi nhận khoản lãi tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong công ty liên kết. Khoản lãi chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngược lại, khi công ty liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lãi, Công ty không được ghi nhận phần lãi tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

#### 6. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại (lợi thế thương mại âm) là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, liên kết tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 7. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và dài hạn khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### **8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **9. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **10. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu về bán bê tông, phải thu thi công công trình xây dựng thủy lợi, thi công cơ giới, phải thu về sửa chữa, gia công cơ khí và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|                          | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 4 - 30        |
| Máy móc thiết bị         | 2 - 20        |
| Phương tiện vận tải      | 3 - 15        |
| Thiết bị văn phòng       | 3 - 10        |
| Tài sản khác             | 5 - 10        |

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

##### *Phần mềm kế toán*

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

#### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo hợp nhất.

##### *Chi phí mua sắm tài sản cố định*

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

##### *Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản*

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

#### 15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ chờ tăng giá.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản nắm giữ chờ tăng giá. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, thì nguyên giá của bất động sản đầu tư được ghi giảm tương ứng với tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 16. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí trả trợ cấp mất việc là toàn bộ chi phí mà Công ty chi ra để tinh giảm nhân sự bao gồm trợ cấp mất việc làm, tiền hỗ trợ tìm việc làm,... Chi phí trả trợ cấp mất việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.
- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm; riêng các công cụ, dụng cụ là coffa, cừ,... sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng thủy lợi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo quyết toán chi phí công trình.

#### 17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả, lãi góp vốn đầu tư; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

#### 18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### *Chi phí bảo hành công trình xây dựng/ cơ khí*

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây dựng có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% đến 2% trên doanh thu các sản phẩm và công trình xây dựng có yêu cầu bảo hành.

#### 19. **Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

##### *Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### *Phân phối lợi nhuận thuần*

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

#### 20. **Doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

##### Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo đối số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **21. Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **22. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **23. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng**

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,..).

#### **24. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 25. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### 26. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 27. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 28. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

#### 29. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | <u>31/12/2015</u>            | <u>31/12/2014</u>             |
|---------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                        | 525.125.524                  | 726.484.929                   |
| Tiền gửi ngân hàng (i)          | 25.742.049.278               | 50.216.808.798                |
| Các khoản tương đương tiền (ii) | 55.873.841.017               | 61.440.861.387                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>82.141.015.819</u></b> | <b><u>112.384.155.114</u></b> |

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.20, số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 23.314.129.469 VND, đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang, và đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,6%/năm (năm 2014: 4%/năm đến 7%/năm).

Trong số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 2.100.088.723 VND, đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2015/433488/HĐBL ngày 14 tháng 8 năm 2015 (xem Thuyết minh số V.20).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bán Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

|   | 31/12/2015            |                       | 31/12/2014 |                |
|---|-----------------------|-----------------------|------------|----------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        | Giá gốc    | Giá trị ghi sổ |
| <b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b> |                       |                       |            |                |
| <i>Ngắn hạn</i>                           |                       |                       | -          | -              |
| Ngắn hạn                                  | 7.537.639.389         | 7.537.639.389         | -          | -              |
| Tiền gửi có kỳ hạn                        | 7.537.639.389         | 7.537.639.389         | -          | -              |
| <i>Dài hạn</i>                            |                       |                       | -          | -              |
| Dài hạn                                   | 27.600.000.000        | 27.600.000.000        | -          | -              |
| Tiền gửi có kỳ hạn                        | 27.600.000.000        | 27.600.000.000        | -          | -              |
| <b>Cộng</b>                               | <b>35.137.639.389</b> | <b>35.137.639.389</b> | -          | -              |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,4%/năm.

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 2.654.457.998 VND (ngắn hạn: 2.054.457.998 VND và dài hạn: 600.000.000 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2015/433488/HĐBL ngày 14 tháng 8 năm 2015 (xem Thuyết minh số V.20).

|                                       | 31/12/2015         |          |                    | 31/12/2014         |          |                    |
|---------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|--------------------|----------|--------------------|
|                                       | Giá gốc            | Dự phòng | Giá trị hợp lý     | Giá gốc            | Dự phòng | Giá trị hợp lý     |
| <b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b> |                    |          |                    |                    |          |                    |
| Công ty Cổ phần Testco                | 260.000.000        | -        | 324.840.313        | 260.000.000        | -        | 302.162.134        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>260.000.000</b> | <b>-</b> | <b>324.840.313</b> | <b>260.000.000</b> | <b>-</b> | <b>302.162.134</b> |

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình.

Chi tiết về giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

|  | 31/12/2015         | 31/12/2014         |
|--|--------------------|--------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết                  | 260.000.000        | 260.000.000        |
| Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã ghi nhận | 64.840.313         | 42.162.134         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>324.840.313</b> | <b>302.162.134</b> |

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

|   | 31/12/2015         | 31/12/2014         |
|---|--------------------|--------------------|
| Tổng tài sản  | 1.886.624.867      | 1.602.926.561      |
| Tổng công nợ  | 250.764.653        | 92.115.892         |
| Tài sản thuần   | 1.635.860.214      | 1.510.810.669      |
| <b>Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết</b>                                 | <b>327.172.043</b> | <b>302.162.134</b> |
| Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong năm | (2.331.730)        | -                  |
| <b>Phần tài sản thuần đầu tư vào công ty liên kết</b>   | <b>324.840.313</b> | <b>302.162.134</b> |

Bán Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

|   | 2015              | 2014              |
|---|-------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần   | 1.914.074.719     | 1.413.049.789     |
| Lợi nhuận thuần   | 306.346.824       | 210.810.669       |
| <b>Phần lợi nhuận được chia từ kết quả kinh doanh của công ty liên kết</b>                              | <b>61.269.365</b> | <b>42.162.134</b> |
| Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong năm | (2.331.730)       | -                 |
| <b>Phần lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sau khi hợp nhất</b>                   | <b>58.937.635</b> | <b>42.162.134</b> |

### 3. Phải thu của khách hàng

|   | 31/12/2015             | 31/12/2014             |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>          | <b>161.455.027.796</b> | <b>118.273.443.119</b> |
| Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng           | 1.200.873.075          | 480.810.675            |
| Phải thu khách hàng bán bê tông                     | 84.368.639.519         | 51.843.255.193         |
| Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng    | 71.178.162.352         | 54.487.444.986         |
| Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí       | 2.386.010.994          | 3.705.394.822          |
| Phải thu khách hàng thi công cơ giới                | 264.106.075            | 49.972.664             |
| Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 2.057.235.781          | 7.706.564.779          |
| <b>b) Phải thu dài hạn của khách hàng</b>           | <b>397.848.337</b>     | <b>397.848.337</b>     |
| Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng    | 397.848.337            | 397.848.337            |
| <b>Cộng</b>   | <b>161.852.876.133</b> | <b>118.671.291.456</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO) là 154.590.831.796 VND, đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang, và đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (xem Thuyết minh số V.20).

### 4. Trả trước cho người bán

|   |                      |                      |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>                                      | <b>7.341.005.630</b> | <b>3.335.980.604</b> |
| Trả trước cho người bán kinh doanh vật liệu xây dựng                            | 550.348.839          | 34.708.136           |
| Trả trước cho người bán bê tông   | 1.809.857.816        | 256.535.000          |
| Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng                            | 4.010.564.114        | 2.759.269.730        |
| Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí                               | 3.423                | 245.118.738          |
| Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 970.231.438          | 40.349.000           |
| <b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>                                       | <b>82.177.000</b>    | <b>82.177.000</b>    |
| Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng                            | 82.177.000           | 82.177.000           |
| <b>Cộng</b>   | <b>7.423.182.630</b> | <b>3.418.157.604</b> |
| <b>c) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>                     |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Testco  | 10.000.000           | -                    |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu khác**

|  | 31/12/2015            |                     | 31/12/2014            |          |
|--|-----------------------|---------------------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị               | Dự phòng            | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>             | <b>20.344.248.135</b> | <b>(10.500.000)</b> | <b>12.984.777.394</b> | -        |
| Sở Tài chính tỉnh An Giang                   | 255.168.853           | -                   | 416.416.000           | -        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | -                     | -                   | 750.000.000           | -        |
| Thuế TNCN phải thu lại                       | 10.076.837            | -                   | 10.076.837            | -        |
| Các khoản bảo hiểm phải thu                  | 130.468.456           | -                   | 128.986.380           | -        |
| Lãi tiền gửi phải thu                        | 471.806.146           | -                   | 128.365.883           | -        |
| Lãi tiền cho vay phải thu                    | -                     | -                   | 3.539.267             | -        |
| Tạm ứng nhân viên                            | 13.440.988.647        | -                   | 7.886.528.752         | -        |
| Tạm ứng cổ tức                               | 5.999.972.000         | -                   | 2.999.972.000         | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác             | 35.767.196            | (10.500.000)        | 660.892.275           | -        |
| <b>b) Phải thu dài hạn khác</b>              | <b>69.000.000</b>     | -                   | <b>688.019.388</b>    | -        |
| Ký quỹ vỏ chai oxy                           | 69.000.000            | -                   | 69.000.000            | -        |
| Ký quỹ khai thác khoáng sản                  | -                     | -                   | 619.019.388           | -        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>20.413.248.135</b> | <b>(10.500.000)</b> | <b>13.672.796.782</b> | -        |

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 6. Nợ xấu

|   | 31/12/2015            |                        |                         | 31/12/2014            |                        |                         |
|---|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                |
| a) <b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>                                    | <b>23.348.653.266</b> | <b>2.884.940.410</b>   | <b>(20.463.712.856)</b> | <b>19.981.555.276</b> | <b>3.419.311.895</b>   | <b>(16.562.243.381)</b> |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>   | <i>23.060.126.766</i> | <i>2.884.940.410</i>   | <i>(20.175.186.356)</i> | <i>19.677.586.293</i> | <i>3.419.311.895</i>   | <i>(16.258.274.398)</i> |
| Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng                                       | 15.000.000            | -                      | (15.000.000)            | -                     | -                      | -                       |
| Phải thu khách hàng bán bê tông   | 19.773.115.728        | 2.864.940.410          | (16.908.175.318)        | 15.758.199.908        | 3.300.350.933          | (12.457.848.975)        |
| Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng                                | 1.782.929.428         | -                      | (1.782.929.428)         | 2.562.528.645         | -                      | (2.562.528.645)         |
| Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí                                   | 276.408.540           | -                      | (276.408.540)           | 276.408.540           | 82.922.562             | (193.485.978)           |
| Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất                             | 1.212.673.070         | 20.000.000             | (1.192.673.070)         | 1.080.449.200         | 36.038.400             | (1.044.410.800)         |
| <i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>   | <i>278.026.500</i>    | <i>-</i>               | <i>(278.026.500)</i>    | <i>303.968.983</i>    | <i>-</i>               | <i>(303.968.983)</i>    |
| Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng                            | 162.530.000           | -                      | (162.530.000)           | 303.968.983           | -                      | (303.968.983)           |
| Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 115.496.500           | -                      | (115.496.500)           | -                     | -                      | -                       |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>   | <i>10.500.000</i>     | <i>-</i>               | <i>(10.500.000)</i>     | <i>-</i>              | <i>-</i>               | <i>-</i>                |
| Phải thu khác hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất                         | 10.500.000            | -                      | (10.500.000)            | -                     | -                      | -                       |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|  | 31/12/2015            |                        |                         | 31/12/2014            |                        |                         |
|--|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|
|  | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                |
| <b>b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>          | <b>480.025.337</b>    | <b>-</b>               | <b>(480.025.337)</b>    | <b>480.025.337</b>    | <b>-</b>               | <b>(480.025.337)</b>    |
| <i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>               | <i>397.848.337</i>    | <i>-</i>               | <i>(397.848.337)</i>    | <i>397.848.337</i>    | <i>-</i>               | <i>(397.848.337)</i>    |
| Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng     | 397.848.337           | -                      | (397.848.337)           | 397.848.337           | -                      | (397.848.337)           |
| <i>Trả trước cho người bán dài hạn</i>               | <i>82.177.000</i>     | <i>-</i>               | <i>(82.177.000)</i>     | <i>82.177.000</i>     | <i>-</i>               | <i>(82.177.000)</i>     |
| Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng | 82.177.000            | -                      | (82.177.000)            | 82.177.000            | -                      | (82.177.000)            |
| <b>Cộng</b>  | <b>23.828.678.603</b> | <b>2.884.940.410</b>   | <b>(20.943.738.193)</b> | <b>20.461.580.613</b> | <b>3.419.311.895</b>   | <b>(17.042.268.718)</b> |

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, xây dựng, cung cấp dịch vụ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... các khoản trả trước người bán hay các khoản phải thu khác,.. đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 7. Hàng tồn kho

|  | 31/12/2015             |                      | 31/12/2014            |                      |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|  | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá gốc               | Dự phòng             |
| Nguyên liệu, vật liệu                    | 10.517.174.959         | -                    | 14.620.504.215        | -                    |
| Công cụ, dụng cụ                         | 3.962.818.944          | -                    | 868.220.941           | -                    |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 157.108.332.325        | (321.986.037)        | 31.872.269.533        | (321.986.037)        |
| Thành phẩm                               | 13.030.035.275         | -                    | 14.878.128.451        | -                    |
| Hàng hóa                                 | 6.092.170.472          | -                    | 1.917.756.144         | -                    |
| <b>Cộng</b>                              | <b>190.710.531.975</b> | <b>(321.986.037)</b> | <b>64.156.879.284</b> | <b>(321.986.037)</b> |

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

|  | 31/12/2015             | 31/12/2014            |
|--|------------------------|-----------------------|
| Các công trình gia công cơ khí               | 690.892.746            | 2.603.176.140         |
| Các công trình xây dựng thủy lợi             | 8.226.427.655          | 4.520.603.167         |
| Các dự án kinh doanh bất động sản            | 148.191.011.924        | 24.734.950.181        |
| <i>Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng (**)</i> | <i>16.637.607.806</i>  | <i>16.917.164.793</i> |
| <i>Dự án Khu Dân cư Trương Định</i>          | <i>4.310.388.747</i>   | <i>6.077.084.062</i>  |
| <i>Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm</i>          | <i>126.735.714.943</i> | <i>758.938.170</i>    |
| <i>Các dự án khác</i>                        | <i>507.300.428</i>     | <i>981.763.156</i>    |
| Các công trình thi công cơ giới              | -                      | 13.540.045            |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>157.108.332.325</b> | <b>31.872.269.533</b> |

(\*\*) Như trình bày tại Thuyết minh số V.21, Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

### 8. Chi phí trả trước

|                               |                      |                      |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | 39.581.960           | 244.520.614          |
| Chi phí mua bảo hiểm          | -                    | 3.576.998            |
| Công cụ, dụng cụ              | 39.581.960           | 82.474.958           |
| Chi phí sửa chữa              | -                    | 158.468.658          |
| b) Chi phí trả trước dài hạn  | 3.738.372.338        | 3.306.927.964        |
| Trợ cấp mất việc              | 862.147.415          | 1.354.803.083        |
| Công cụ, dụng cụ              | 1.894.040.191        | 1.750.249.120        |
| Chi phí sửa chữa              | 716.836.451          | 201.875.761          |
| Chi phí khác                  | 265.348.281          | -                    |
| <b>Cộng</b>                   | <b>3.777.954.298</b> | <b>3.551.448.578</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

|  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc thiết bị       | Phương tiện vận<br>tải | Thiết bị văn<br>phòng | Tài sản cố định<br>khác | Cộng                   |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                            |                           |                        |                        |                       |                         |                        |
| 01/01/2015                                   | 39.672.146.074            | 152.930.988.831        | 43.699.917.260         | 1.398.419.769         | 477.233.664             | 238.178.705.598        |
| Tăng trong năm                               | 466.215.475               | 7.925.823.338          | 18.277.648.321         | 48.181.818            | 1.081.127.307           | 27.798.996.259         |
| <i>Mua sắm trong năm</i>                     | -                         | 7.925.823.338          | 18.277.648.321         | 48.181.818            | 1.081.127.307           | 27.332.780.784         |
| <i>Xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển</i> | 466.215.475               | -                      | -                      | -                     | -                       | 466.215.475            |
| Giảm trong năm                               | -                         | 422.995.197            | 1.100.966.030          | -                     | -                       | 1.523.961.227          |
| <i>Nhượng bán, thanh lý</i>                  | -                         | 422.995.197            | 1.100.966.030          | -                     | -                       | 1.523.961.227          |
| <b>31/12/2015</b>                            | <b>40.138.361.549</b>     | <b>160.433.816.972</b> | <b>60.876.599.551</b>  | <b>1.446.601.587</b>  | <b>1.558.360.971</b>    | <b>264.453.740.630</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>                |                           |                        |                        |                       |                         |                        |
| 01/01/2015                                   | 10.358.845.776            | 107.893.542.686        | 27.212.515.911         | 919.399.395           | 141.766.607             | 146.526.070.375        |
| Tăng trong năm                               | 1.977.225.620             | 10.363.968.152         | 4.388.279.474          | 125.629.103           | 149.476.428             | 17.004.578.777         |
| <i>Khấu hao trong năm</i>                    | 1.977.225.620             | 10.363.968.152         | 4.388.279.474          | 125.629.103           | 149.476.428             | 17.004.578.777         |
| Giảm trong năm                               | -                         | 422.995.197            | 951.151.478            | -                     | -                       | 1.374.146.675          |
| <i>Nhượng bán, thanh lý</i>                  | -                         | 422.995.197            | 951.151.478            | -                     | -                       | 1.374.146.675          |
| <b>31/12/2015</b>                            | <b>12.336.071.396</b>     | <b>117.834.515.641</b> | <b>30.649.643.907</b>  | <b>1.045.028.498</b>  | <b>291.243.035</b>      | <b>162.156.502.477</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                       |                           |                        |                        |                       |                         |                        |
| <b>31/12/2014</b>                            | <b>29.313.300.298</b>     | <b>45.037.446.145</b>  | <b>16.487.401.349</b>  | <b>479.020.374</b>    | <b>335.467.057</b>      | <b>91.652.635.223</b>  |
| <b>31/12/2015</b>                            | <b>27.802.290.153</b>     | <b>42.599.301.331</b>  | <b>30.226.955.644</b>  | <b>401.573.089</b>    | <b>1.267.117.936</b>    | <b>102.297.238.153</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận<br>tải | Thiết bị văn<br>phòng | Tài sản cố định<br>khác | Cộng           |
|--|---------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------|
| <b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:</b>   |                           |                  |                        |                       |                         |                |
| 31/12/2014   | 946.313.311               | 24.731.597.286   | 2.695.871.471          | 393.720.305           | -                       | 28.767.502.373 |
| 31/12/2015   | 662.519.152               | 25.351.920.894   | 3.762.613.831          | 456.170.305           | -                       | 30.233.224.182 |
| <b>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang thế chấp để đảm bảo các khoản vay và bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.20):</b> |                           |                  |                        |                       |                         |                |
| 31/12/2014   | 24.320.760.452            | 37.237.556.057   | 11.917.740.104         | 335.270.356           | -                       | 73.811.326.969 |
| 31/12/2015   | 22.759.271.905            | 43.023.885.822   | 29.701.221.345         | 322.939.727           | -                       | 95.807.318.799 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Các quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài không khấu hao.

Giá trị phần mềm kế toán của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

|                               | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm kế toán</u> | <u>Cộng</u>          |
|-------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                          |                         |                      |
| 01/01/2015                    | 2.471.554.760            | 350.263.800             | 2.821.818.560        |
| Tăng trong năm                | -                        | -                       | -                    |
| Giảm trong năm                | -                        | -                       | -                    |
| <i>Nhượng bán, thanh lý</i>   | <b>2.471.554.760</b>     | <b>350.263.800</b>      | <b>2.821.818.560</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                          |                         |                      |
| 01/01/2015                    | 387.631.100              | 58.377.300              | 446.008.400          |
| Tăng trong năm                | 56.499.792               | 58.377.300              | 114.877.092          |
| <i>Khấu hao trong năm</i>     | 56.499.792               | 58.377.300              | 114.877.092          |
| Giảm trong năm                | -                        | -                       | -                    |
| <b>31/12/2015</b>             | <b>444.130.892</b>       | <b>116.754.600</b>      | <b>560.885.492</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                          |                         |                      |
| <b>31/12/2014</b>             | <b>2.083.923.660</b>     | <b>291.886.500</b>      | <b>2.375.810.160</b> |
| <b>31/12/2015</b>             | <b>2.027.423.868</b>     | <b>233.509.200</b>      | <b>2.260.933.068</b> |

Như trình bày tại Thuyết minh số V.20, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

Ngoài ra, các quyền sử dụng đất nêu trên của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO còn được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng thế bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23 tháng 8 năm 2012 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo được ký giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

#### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị của các quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ chờ tăng giá.

| <b>Khoản mục</b>             | <b>01/01/2015</b>  | <b>Tăng trong năm</b> | <b>Giảm trong năm</b> | <b>31/12/2015</b> |
|------------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------|
| Nguyên giá                   | 802.108.000        | -                     | 802.108.000           | -                 |
| Tồn thất do suy giảm giá trị | -                  | -                     | -                     | -                 |
| <b>Giá trị còn lại</b>       | <b>802.108.000</b> | <b>-</b>              | <b>802.108.000</b>    | <b>-</b>          |

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các quyền sử dụng đất của Công ty tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ với diện tích đất tương ứng là 125,5 m<sup>2</sup> và 103,5 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và số 00463 do Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 30 tháng 11 năm 2004.

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng các quyền sử dụng đất này với số tiền thu được là 775.350.364 VND, lỗ chuyển nhượng là 26.757.636 VND. Số tiền thu chuyển nhượng và nguyên giá xóa sổ các quyền sử dụng đất này được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với khoản mục “doanh thu kinh doanh bất động sản” và “giá vốn kinh doanh bất động sản”.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                              | <u>31/12/2015</u>           | <u>31/12/2014</u>           |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định      | 6.214.559.268               | 40.909.091                  |
| Chi phí xây dựng cơ bản      | 634.375.107                 | 2.199.684.559               |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 91.100.630                  | 285.083.295                 |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>6.940.035.005</u></b> | <b><u>2.525.676.945</u></b> |

### 13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước như sau:

|  | <u>Tại ngày 01<br/>tháng 01</u> | <u>Ghi nhận vào kết<br/>quả kinh doanh</u> | <u>Tại ngày 31<br/>tháng 12</u> |
|--|---------------------------------|--|---------------------------------|
| <b>2014</b>  |                                 |  |                                 |
| Chi phí phải trả                                     | -                               | 37.597.599                                 | 37.597.599                      |
| Chi phí dự phòng                                     | -                               | -  | -                               |
| Số tiền tạm thu hoạt động<br>kinh doanh bất động sản | 17.474.956                      | 53.712.394                                 | 71.187.350                      |
| Khấu hao TSCĐ  | 886.374.761                     | 23.472.106                                 | 909.846.867                     |
| Chi phí phân bổ công cụ,<br>dụng cụ                  | 69.548.614                      | 10.213.795                                 | 79.762.409                      |
| Các khoản lỗ tính thuế                               | 5.619.543.277                   | (628.156.092)                              | 4.991.387.185                   |
| Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi<br>hợp nhất              | 179.946.066                     | 2.078.116.900                              | 2.258.062.966                   |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>6.772.887.674</u></b>     | <b><u>1.574.956.702</u></b>                | <b><u>8.347.844.376</u></b>     |
| <b>2015</b>  |                                 |  |                                 |
| Chi phí phải trả                                     | 37.597.599                      | (31.997.599)                               | 5.600.000                       |
| Chi phí dự phòng                                     | -                               | 503.700.913                                | 503.700.913                     |
| Số tiền tạm thu hoạt động<br>kinh doanh bất động sản | 71.187.350                      | (66.747.350)                               | 4.440.000                       |
| Khấu hao TSCĐ  | 909.846.867                     | (5.439.017)                                | 904.407.850                     |
| Chi phí phân bổ công cụ,<br>dụng cụ                  | 79.762.409                      | (30.739.585)                               | 49.022.824                      |
| Các khoản lỗ tính thuế                               | 4.991.387.185                   | (501.775.001)                              | 4.489.612.184                   |
| Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi<br>hợp nhất              | 2.258.062.966                   | (155.668.541)                              | 2.102.394.425                   |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>8.347.844.376</u></b>     | <b><u>(288.666.180)</u></b>                | <b><u>8.059.178.196</u></b>     |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 22.448.060.918 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 22.688.123.570 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 4.489.612.184 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.991.387.185 VND) theo khoản lỗ trên.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

| Năm         | 31/12/2015            | 31/12/2014            | Ghi chú               |
|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 2015        | -                     | 1.694.250.683         | Lỗ tính thuế năm 2011 |
| 2016        | 7.351.853.674         | 7.608.259.623         | Lỗ tính thuế năm 2012 |
| 2017        | 13.385.613.264        | 13.385.613.264        | Lỗ tính thuế năm 2013 |
|             | -                     | -                     |                       |
| 2019        | 1.710.593.980         | -                     | Lỗ tính thuế năm 2015 |
| <b>Cộng</b> | <b>22.448.060.918</b> | <b>22.688.123.570</b> |                       |

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | 31/12/2015            |                       | 31/12/2014            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán vật liệu xây dựng                | 938.272.200           | 938.272.200           | 105.497.036           | 105.497.036           |
| Phải trả người bán bê tông                          | 63.170.790.565        | 63.170.790.565        | 41.965.592.231        | 41.965.592.231        |
| Phải trả người bán thi công công trình xây dựng     | 23.179.136.850        | 23.179.136.850        | 17.262.634.786        | 17.262.634.786        |
| Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí        | 135.215.345           | 135.215.345           | 180.614.615           | 180.614.615           |
| Phải trả người bán thi công cơ giới                 | 186.578.712           | 186.578.712           | 490.710.635           | 490.710.635           |
| Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất  | 1.272.546.490         | 1.272.546.490         | 407.503.351           | 407.503.351           |
| <b>Cộng</b>   | <b>88.882.540.162</b> | <b>88.882.540.162</b> | <b>60.412.552.654</b> | <b>60.412.552.654</b> |
| <b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>                |                       |                       |                       |                       |
| Phải trả người bán thi công công trình xây dựng     | 432.396.598           | 432.396.598           | 432.396.598           | 432.396.598           |
| Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất  | 14.132.590            | 14.132.590            | 55.632.590            | 55.632.590            |
| <b>Cộng</b>   | <b>446.529.188</b>    | <b>446.529.188</b>    | <b>488.029.188</b>    | <b>488.029.188</b>    |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b> |                       |                       |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Testco                              | 12.474.000            | 12.474.000            | 80.824.750            | 80.824.750            |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <u>31/12/2015</u>            | <u>31/12/2014</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước               | 194.542.500                  | -                            |
| Người mua bê tông trả tiền trước                         | 2.914.954.599                | 10.347.663.911               |
| Khánh hàng thi công công trình xây dựng trả tiền trước   | 25.472.806.167               | 30.855.741.500               |
| Khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước      | -                            | 1.010.460.000                |
| Khách hàng thi công cơ giới trả tiền trước               | 33.800.000                   | 101.024.000                  |
| Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước | 8.786.411.500                | 6.861.146.500                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>37.402.514.766</u></b> | <b><u>49.176.035.911</u></b> |

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| Chỉ tiêu   | <u>01/01/2015</u>           | <u>Số phải nộp</u>           | <u>Số đã nộp</u>             | <u>31/12/2015</u>           |
|--|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| <b>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước</b> | <b>5.350.215.506</b>        | <b>16.222.791.726</b>        | <b>18.136.789.949</b>        | <b>3.436.217.283</b>        |
| Thuế phải thu (*)                                      | (85.007.910)                | 85.007.910                   | -                            | -                           |
| Thuế phải nộp  | 5.435.223.416               | 16.137.783.816               | 18.136.789.949               | 3.436.217.283               |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                      | <b>3.219.399.857</b>        | <b>7.318.235.383</b>         | <b>5.411.202.904</b>         | <b>5.126.432.336</b>        |
| <b>Thuế thu nhập cá nhân</b>                           | <b>233.625.651</b>          | <b>1.471.967.424</b>         | <b>1.341.090.260</b>         | <b>364.502.815</b>          |
| Thuế phải thu (*)                                      | (11.054.703)                | 599.143.619                  | 606.755.269                  | (18.666.353)                |
| Thuế phải nộp  | 244.680.354                 | 872.823.805                  | 734.334.991                  | 383.169.168                 |
| <b>Các loại thuế khác</b>                              | <b>308.726.514</b>          | <b>397.678.342</b>           | <b>397.678.342</b>           | <b>308.726.514</b>          |
| Thuế môn bài   | -                           | 18.000.000                   | 18.000.000                   | -                           |
| Thuế đất   | -                           | 364.625.342                  | 364.625.342                  | -                           |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác                 | 308.726.514                 | 15.053.000                   | 15.053.000                   | 308.726.514                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>9.111.967.528</u></b> | <b><u>25.410.672.875</u></b> | <b><u>25.286.761.455</u></b> | <b><u>9.235.878.948</u></b> |

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

|  |                      |   |                      |
|--|----------------------|---|----------------------|
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (*) | 96.062.613           | - | 18.666.353           |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | <u>9.208.030.141</u> | - | <u>9.254.545.301</u> |

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Thuế suất 10% : Hoạt động khác

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | <u>31/12/2015</u>            | <u>31/12/2014</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả gia công sản phẩm cơ khí         | 76.460.600                   | 83.398.340                   |
| Giá vốn ước tính của các dự án Khu Dân cư | 26.451.337.986               | 26.582.466.355               |
| Chi phí thi công công trình xây dựng      | 2.255.233.224                | 3.447.215.037                |
| Phải trả chi phí thi công cơ giới         | 240.513.927                  | -                            |
| Chi phí lãi vay phải trả                  | 2.208.265.247                | 84.393.835                   |
| Các chi phí phải trả khác                 | 119.979.280                  | 332.058.611                  |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>31.351.790.264</u></b> | <b><u>30.529.532.178</u></b> |

#### 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

|   |                             |                 |
|---|-----------------------------|-----------------|
| Doanh thu chưa thực hiện hợp đồng thi công công trình xây lắp | 1.419.090.909               | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.419.090.909</u></b> | <b><u>-</u></b> |

Đây doanh thu chưa thực hiện của Hợp đồng thi công trải vải địa kỹ thuật và làm rọ đá dưới nước thuộc công trình Sông Kiên, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang số 24/HĐKT ngày 24 tháng 11 năm 2015.

#### 19. Phải trả ngắn hạn khác

|  |                             |                             |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn                             | 72.904.703                  | 91.752.801                  |
| Các khoản bảo hiểm phải nộp                    | 24.647.169                  | 29.148                      |
| Thù lao HDQT                                   | 66.688.732                  | 66.688.732                  |
| Thuế TNCN                                      | 5.967.802                   | 5.467.802                   |
| Phải trả tiền tàu xe, ăn giữa ca, thù lao      | -                           | 47.427.000                  |
| Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp     | 1.721.032.989               | 1.721.032.989               |
| Hoa hồng bán hàng                              | 484.779.174                 | 484.779.174                 |
| Hoán đổi nền đất dự án KDC Trương Định nổi dài | 318.999.998                 | 258.999.998                 |
| Lãi góp vốn KDC Trương Định nổi dài            | -                           | 173.838.958                 |
| Phải trả về cổ phần hóa                        | 176.790.020                 | 176.790.020                 |
| Công ty Cổ phần Testco (*)                     | 13.186.591                  | 13.186.591                  |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                  | 40.000.000                  | 40.000.000                  |
| Phải trả cổ tức                                | 102.000.000                 | 402.000.000                 |
| Các khoản phải trả khác                        | 1.274.446.957               | 1.437.500.597               |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>4.301.444.135</u></b> | <b><u>4.919.493.810</u></b> |

#### Số nợ quá hạn chưa thanh toán

|  |                             |                             |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Thù lao HDQT                               | 66.688.732                  | 66.688.732                  |
| Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp | 1.721.032.989               | 1.721.032.989               |
| Hoa hồng bán hàng                          | 484.779.174                 | 484.779.174                 |
| Phải trả về cổ phần hóa                    | 176.790.020                 | 176.790.020                 |
| Công ty Cổ phần Testco (*)                 | 13.186.591                  | 13.186.591                  |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>2.462.477.506</u></b> | <b><u>2.462.477.506</u></b> |

**Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan (\*)** **13.186.591** **13.186.591**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Vay và nợ thuê tài chính**

|   | 31/12/2015                   |                              | Trong năm                    |                               | 01/01/2015                |                           |
|---|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|   | Giá trị                      | Số có khả năng trả nợ        | Tăng                         | Giảm                          | Giá trị                   | Số có khả năng trả nợ     |
| <b>a) Vay ngắn hạn</b>  | <b>179.580.763.853</b>       | <b>179.580.763.853</b>       | <b>232.394.501.175</b>       | <b>(123.147.742.636)</b>      | <b>70.334.005.314</b>     | <b>70.334.005.314</b>     |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>   | <i>168.297.521.853</i>       | <i>168.297.521.853</i>       | <i>219.270.194.175</i>       | <i>(120.622.477.636)</i>      | <i>69.649.805.314</i>     | <i>69.649.805.314</i>     |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang            | 67.808.279.653               | 67.808.279.653               | 118.368.351.975              | (120.209.877.636)             | 69.649.805.314            | 69.649.805.314            |
| <i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (i)</i>                      | <i>20.884.739.309</i>        | <i>20.884.739.309</i>        | <i>44.484.384.516</i>        | <i>(37.060.063.744)</i>       | <i>13.460.418.537</i>     | <i>13.460.418.537</i>     |
| <i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO (ii)</i>                                  | <i>35.923.540.344</i>        | <i>35.923.540.344</i>        | <i>35.923.540.344</i>        | <i>(33.789.386.777)</i>       | <i>33.789.386.777</i>     | <i>33.789.386.777</i>     |
| <i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO (iii)</i>                                | <i>11.000.000.000</i>        | <i>11.000.000.000</i>        | <i>37.960.427.115</i>        | <i>(49.360.427.115)</i>       | <i>22.400.000.000</i>     | <i>22.400.000.000</i>     |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang          | -                            | -                            | 412.600.000                  | (412.600.000)                 | -                         | -                         |
| Vay ngắn hạn cá nhân - Dự án KDC Lê Văn Phẩm (iv)   | 100.489.242.200              | 100.489.242.200              | 100.489.242.200              | -                             | -                         | -                         |
| <b><i>Vay dài hạn đến hạn trả</i></b>   | <b><i>11.283.242.000</i></b> | <b><i>11.283.242.000</i></b> | <b><i>13.124.307.000</i></b> | <b><i>(2.525.265.000)</i></b> | <b><i>684.200.000</i></b> | <b><i>684.200.000</i></b> |
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả | 2.180.000.000                | 2.180.000.000                | 3.605.000.000                | (1.776.200.000)               | 351.200.000               | 351.200.000               |
| <i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (v)</i>                      | <i>280.000.000</i>           | <i>280.000.000</i>           | <i>280.000.000</i>           | <i>(351.200.000)</i>          | <i>351.200.000</i>        | <i>351.200.000</i>        |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   | 31/12/2015            |                       | Trong năm             |                        | 01/01/2015           |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                   | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (vi)</i>  | 1.900.000.000         | 1.900.000.000         | 3.325.000.000         | (1.425.000.000)        | -                    | -                     |
| Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả | -                     | -                     | -                     | (333.000.000)          | 333.000.000          | 333.000.000           |
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả                           | 9.103.242.000         | 9.103.242.000         | 9.519.307.000         | (416.065.000)          | -                    | -                     |
| <i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (vii)</i>                        | 7.020.030.000         | 7.020.030.000         | 7.020.030.000         | -                      | -                    | -                     |
| <i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (viii)</i>                                      | 2.083.212.000         | 2.083.212.000         | 2.499.277.000         | (416.065.000)          | -                    | -                     |
| <b>b) Vay dài hạn</b>   | <b>31.784.593.000</b> | <b>31.784.593.000</b> | <b>31.097.593.000</b> | <b>(5.074.000.000)</b> | <b>5.761.000.000</b> | <b>5.761.000.000</b>  |
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang                 | 6.067.000.000         | 6.067.000.000         | 5.380.000.000         | -                      | 687.000.000          | 687.000.000           |
| <i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (v)</i>                          | 407.000.000           | 407.000.000           | (280.000.000)         | -                      | 687.000.000          | 687.000.000           |
| <i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (vi)</i>  | 5.660.000.000         | 5.660.000.000         | 5.660.000.000         | -                      | -                    | -                     |
| Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang             | -                     | -                     | -                     | (2.334.000.000)        | 2.334.000.000        | 2.334.000.000         |
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang                                       | 25.717.593.000        | 25.717.593.000        | 25.717.593.000        | -                      | -                    | -                     |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|  | 31/12/2015             |                        | Trong năm              |                          | 01/01/2015            |                       |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Tăng                   | Giảm                     | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (vii)</i> | 18.252.750.000         | 18.252.750.000         | 18.252.750.000         | -                        | -                     | -                     |
| <i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (viii)</i>               | 7.464.843.000          | 7.464.843.000          | 7.464.843.000          | -                        | -                     | -                     |
| Vay dài hạn bà Trương Huỳnh Ngọc Anh                                     | -                      | -                      | -                      | (2.740.000.000)          | 2.740.000.000         | 2.740.000.000         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>211.365.356.853</b> | <b>211.365.356.853</b> | <b>263.492.094.175</b> | <b>(128.221.742.636)</b> | <b>76.095.005.314</b> | <b>76.095.005.314</b> |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/433488/HĐTD ngày 14 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng là 7%/ năm (năm 2014: từ 6%/ năm đến 9%/ năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), toàn bộ tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9), toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2015/433488/HĐBL ngày 14 tháng 8 năm 2015 với hạn mức bảo lãnh là 150.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem Thuyết minh số V.2) để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 103.822.200.653 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 104.916.744.852 VND).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 03/2015/1678922/HĐTD ngày 13 tháng 10 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 38.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2015 và thời hạn cho từng khoản vay cụ thể là 5 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất áp dụng từ 5%/năm - 6%/năm (năm 2014: 5%/năm đến - 8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9), quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.10), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 04/2015/1678922/HĐBL ngày 13 tháng 10 năm 2015 với hạn mức bảo lãnh là 10.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2015. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO còn ký quỹ 10% số tiền bảo lãnh khi phát hành thư đảm bảo và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO là 564.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 300.000.000 VND).

- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2015/2136723/HĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 14.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất áp dụng là 7%/năm (năm 2014: 7%/năm đến 9%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình xây dựng.

Chi tiết tài sản được sử dụng để thế chấp cho khoản vay này như sau:

- Toàn bộ tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty thành viên) (xem Thuyết minh số V.9 và số V.10), theo các hợp đồng thế chấp như sau:
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23 tháng 8 năm 2012 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo ký giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Ngân hàng;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/1678922/HĐBĐ ngày 5 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Ngân hàng;
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/1678922/HĐBĐ ngày 5 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Ngân hàng.
  - Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác (xem Thuyết minh số V.1).
  - Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và các đối tác khác mà Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO là người thụ hưởng (xem Thuyết minh số V.3).
- (iv) Công ty vay ngắn hạn các cá nhân trong và ngoài Công ty để hỗ trợ cho Dự án KDC Lê Văn Phẩm hay Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, đây là Dự án bán đất nền của Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 9 tháng 01 năm 2014. Các Hợp đồng vay tiền có thời hạn 1 năm, lãi suất vay được thỏa thuận với các đối tượng: 0%/năm cho các đối tượng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

cho vay thuộc diện đền bù giải tỏa trong Khu Dân cư, 6%/năm cho các đối tượng cho vay trong tháng 02 năm 2015 và 3%/năm cho các đối tượng cho vay trong thời gian sau tháng 02 năm 2015

- (v) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với chi tiết như sau:

| Hợp đồng tín dụng   | Số 01/2012/HĐ<br>ngày 29/08/2012   | Số 01/2013/HĐ<br>ngày 11/04/2013 | Số 02/2013/HĐ<br>ngày 10/06/2013 | Cộng                 |
|---|--|----------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| Hạn mức vay (VND)   | 828.545.200  | 840.000.000                      | 560.000.000                      |                      |
| Thời hạn vay  | 60 tháng   |                                  |                                  |                      |
| Lãi suất  | Lãi suất thả nổi, lãi suất áp dụng từ 9,5%/năm - 9,7%/năm (năm 2014: 9,5%/năm - 11,5%/năm)   |                                  |                                  |                      |
| Mục đích vay  | Mua máy cắt thép và máy chấn tole  | Mua máy đào Kobelco              | Mua máy chấn tole Komatsu        |                      |
|   | Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay  |                                  |                                  |                      |
| Đảm bảo tiền vay  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1);</li> <li>- Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem Thuyết minh số V.9)</li> </ul> |                                  |                                  |                      |
| <b>31/12/2015</b>   | <b>-</b>   | <b>407.000.000</b>               | <b>280.000.000</b>               | <b>687.000.000</b>   |
| <b><u>Trong đó:</u></b>   |  |                                  |                                  |                      |
| Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | -  | 168.000.000                      | 112.000.000                      | 280.000.000          |
| Số phải trả sau 12 tháng  | -  | 239.000.000                      | 168.000.000                      | 407.000.000          |
| <b>31/12/2014</b>   | <b>71.200.000</b>  | <b>575.000.000</b>               | <b>392.000.000</b>               | <b>1.038.200.000</b> |
| <b><u>Trong đó:</u></b>   |  |                                  |                                  |                      |
| Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | 71.200.000   | 168.000.000                      | 112.000.000                      | 351.200.000          |
| Số phải trả sau 12 tháng  | -  | 407.000.000                      | 280.000.000                      | 687.000.000          |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(vi) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1678922/HĐTD ngày 19 tháng 01 năm 2015 với hạn mức là 2.800.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị trung chuyển sản phẩm tại Nhà máy Bê tông TICCO. Khoản vay được trả hàng quý với số tiền là 140.000.000 VND, lãi vay 9,5%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/1678922/HĐTD ngày 12 tháng 3 năm 2015 với hạn mức là 6.700.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị xe chuyển trộn, xe xúc, khuôn cọc D300 tại Nhà máy Bê tông TICCO. Khoản vay được trả hàng quý với số tiền là 335.000.000 VND, lãi vay 9,5%/năm.

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.9 và số V.10), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

|   | <u>31/12/2015</u>    | <u>31/12/2014</u> |
|---|----------------------|-------------------|
| Trong vòng 1 năm  | 1.900.000.000        | -                 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5  | 5.660.000.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>7.560.000.000</b> | -                 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng<br>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (1.900.000.000)      | -                 |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>   | <b>5.660.000.000</b> | -                 |

(vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty đã rút vốn vay trong năm 2015 với số tiền là 25.272.780.000 VND, sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả hàng tháng là 702.003.000 VND. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.7).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

|   | <u>31/12/2015</u>     | <u>31/12/2014</u> |
|---|-----------------------|-------------------|
| Trong vòng 1 năm  | 7.020.030.000         | -                 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5  | 18.252.750.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>25.272.780.000</b> | -                 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng<br>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (7.020.030.000)       | -                 |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>   | <b>18.252.750.000</b> | -                 |

(viii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO theo Hợp đồng tín dụng số 2385/15/TD/XXVI ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức là 19.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi giai đoạn 1 - đợt 1 (Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi), Công ty đã rút vốn vay trong năm là 9.964.120.000 VND. Khoản vay được trả hàng tháng với số tiền là 173.601.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VND, lãi vay 7,5%/năm. Công ty đã sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

|   | <u>31/12/2015</u>    | <u>31/12/2014</u> |
|---|----------------------|-------------------|
| Trong vòng 1 năm  | 2.083.212.000        | -                 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5  | 7.464.843.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.548.055.000</b> | -                 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng<br>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (2.083.212.000)      | -                 |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>   | <b>7.464.843.000</b> | -                 |

#### 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

|  | <u>31/12/2015</u>    | <u>31/12/2014</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| Dự phòng phải trả các công trình cơ khí            | 295.786.355          | 574.511.280          |
| Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng | 2.827.938.569        | 2.289.946.017        |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.123.724.924</b> | <b>2.864.457.297</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | Tại ngày 01<br>tháng 01 | Trích lập các quỹ<br>từ lợi nhuận | Chi/ sử dụng<br>các quỹ | Khấu hao TSCĐ<br>hình thành từ quỹ<br>phúc lợi | Tại ngày 31<br>tháng 12 |
|-----------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|-------------------------|--|-------------------------|
| <b>2014</b>                       |                         |                                   |                         |  |                         |
| Quỹ khen thưởng                   | 934.474.759             | 431.291.435                       | (978.370.000)           | -  | 387.396.194             |
| Quỹ phúc lợi                      | 1.567.448.985           | 835.739.689                       | (1.352.961.500)         | -  | 1.050.227.174           |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ   | 100.245.735             | -                                 | -                       | (20.388.960)                                   | 79.856.775              |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 939.792                 | -                                 | -                       | -  | 939.792                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b>2.603.109.271</b>    | <b>1.267.031.124</b>              | <b>(2.331.331.500)</b>  | <b>(20.388.960)</b>                            | <b>1.518.419.935</b>    |
| <b>2015</b>                       |                         |                                   |                         |  |                         |
| Quỹ khen thưởng                   | 387.396.194             | 780.319.359                       | (1.140.225.000)         | -  | 27.490.553              |
| Quỹ phúc lợi                      | 1.050.227.174           | 423.166.681                       | (812.815.000)           | -  | 660.578.855             |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ   | 79.856.775              | -                                 | -                       | (20.388.960)                                   | 59.467.815              |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 939.792                 | -                                 | -                       | -  | 939.792                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b>1.518.419.935</b>    | <b>1.203.486.040</b>              | <b>(1.953.040.000)</b>  | <b>(20.388.960)</b>                            | <b>748.477.015</b>      |

(\*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.23.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****23. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

|  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần  | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>01/01/2014</b>                                | <b>80.000.000.000</b>     | <b>10.700.000.000</b> | <b>41.121.469.772</b> | <b>7.211.807.781</b>   | <b>14.983.850.647</b>             | <b>5.418.459.038</b>            | <b>159.435.587.238</b> |
| Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển                | 20.000.000.000            | -                     | (20.000.000.000)      | -                      | -                                 | -                               | -                      |
| Lợi nhuận năm 2014                               | -                         | -                     | -                     | -                      | 16.926.667.235                    | 85.518.589                      | 17.012.185.824         |
| Trích lập các quỹ                                | -                         | -                     | 40.490.523            | 694.325.684            | (2.001.847.331)                   | (13.195.839)                    | (1.280.226.963)        |
| Chia cổ tức                                      | -                         | -                     | -                     | -                      | (12.220.575.000)                  | (102.000.000)                   | (12.322.575.000)       |
| Điều chỉnh khác                                  | -                         | -                     | -                     | -                      | 540.965.715                       | (286.608.528)                   | 254.357.187            |
| <b>31/12/2014</b>                                | <b>100.000.000.000</b>    | <b>10.700.000.000</b> | <b>21.161.960.295</b> | <b>7.906.133.465</b>   | <b>18.229.061.266</b>             | <b>5.102.173.260</b>            | <b>163.099.328.286</b> |
| <b>Trình bày lại (xem Thuyết minh số VIII.5)</b> | -                         | -                     | 7.906.133.465         | (7.906.133.465)        | -                                 | -                               | -                      |
| <b>01/01/2015</b>                                | <b>100.000.000.000</b>    | <b>10.700.000.000</b> | <b>29.068.093.760</b> | -                      | <b>18.229.061.266</b>             | <b>5.102.173.260</b>            | <b>163.099.328.286</b> |
| Lợi nhuận năm 2015                               | -                         | -                     | -                     | -                      | 55.945.179.554                    | 65.912.112                      | 56.011.091.666         |
| Trích lập các quỹ                                | -                         | -                     | 1.692.666.724         | -                      | (2.896.152.764)                   | -                               | (1.203.486.040)        |
| Chia cổ tức                                      | -                         | -                     | -                     | -                      | (13.000.000.000)                  | -                               | (13.000.000.000)       |
| Điều chỉnh khác                                  | -                         | -                     | -                     | -                      | (23.872.133)                      | 22.712.677                      | (1.159.456)            |
| <b>31/12/2015</b>                                | <b>100.000.000.000</b>    | <b>10.700.000.000</b> | <b>30.760.760.484</b> | -                      | <b>58.254.215.923</b>             | <b>5.190.798.049</b>            | <b>204.905.774.456</b> |

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ.ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2015.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Cổ phiếu

|   | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành         | 10.000.000        | 10.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 10.000.000        | 10.000.000        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                   | <i>10.000.000</i> | <i>10.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                      | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại              | -                 | -                 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                   | -                 | -                 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                      | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành             | 10.000.000        | 10.000.000        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                   | <i>10.000.000</i> | <i>10.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                      | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

### 24. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### *Ngoại tệ các loại*

|                         | <u>Đơn vị tính</u> | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|-------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Đô la Mỹ                | USD                | 389,35            | 405,23            |
| Đồng tiền chung Châu Âu | EUR                | 3.483,23          | 3.390,61          |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|  | <u>2015</u>            | <u>2014</u>            |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                       |                        |                        |
| Doanh thu bán vật liệu xây dựng        | 4.923.529.365          | 2.970.179.856          |
| Doanh thu bán bê tông                  | 498.191.462.823        | 305.556.585.931        |
| Doanh thu thi công công trình xây dựng | 169.522.656.664        | 162.697.619.246        |
| Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí     | 15.270.706.161         | 20.917.399.117         |
| Doanh thu thi công cơ giới             | 1.226.191.067          | 228.589.192            |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản      | 10.618.503.464         | 33.229.636.514         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>699.753.049.544</b> | <b>525.600.009.856</b> |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>    |                        |                        |
| Hàng bán bị trả lại                    | -                      | (420.574.248)          |
| Giảm giá hàng bán                      | (281.937.074)          | (130.657.458)          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>(281.937.074)</b>   | <b>(551.231.706)</b>   |
| <b>Doanh thu thuần</b>                 | <b>699.471.112.470</b> | <b>525.048.778.150</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                      | <u>2015</u>                   | <u>2014</u>                   |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn bán vật liệu xây dựng        | 2.023.873.718                 | 440.677.825                   |
| Giá vốn bán bê tông                  | 376.037.070.049               | 235.512.121.961               |
| Giá vốn thi công công trình xây dựng | 149.119.838.706               | 161.592.791.273               |
| Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí     | 13.072.963.198                | 17.035.321.287                |
| Giá vốn thi công cơ giới             | 4.404.558.565                 | 657.379.444                   |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản      | 4.500.637.925                 | 21.800.184.787                |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>549.158.942.161</u></b> | <b><u>437.038.476.577</u></b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                      |                             |                             |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng               | 3.063.249.055               | 1.246.725.516               |
| Lãi cho vay                          | 4.449.500                   | 6.193.267                   |
| Lãi chậm thanh toán                  | 200.739.741                 | -                           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | -                           | 86.088                      |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 79.803                      | -                           |
| Doanh thu tài chính khác             | 5.783.348                   | 4.045.426                   |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>3.274.301.447</u></b> | <b><u>1.257.050.297</u></b> |

### 4. Chi phí tài chính

|                                     |                             |                             |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay                     | 3.308.798.021               | 4.894.876.260               |
| Lãi mua hàng chậm trả               | 7.489.988                   | 33.743.690                  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | -                           | 135.718                     |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 4.597.982                   | 10.387.894                  |
| <b>Cộng</b>                         | <b><u>3.320.885.991</u></b> | <b><u>4.939.143.562</u></b> |

### 5. Chi phí bán hàng

|                                  |                              |                              |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên                | 9.067.923.800                | 7.279.614.957                |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 20.508.817.598               | 15.165.639.935               |
| Chi phí dụng cụ đồ dùng          | 560.182                      | 3.829.454                    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.923.794.524                | 2.956.537.122                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 21.560.192.305               | 14.244.851.608               |
| Chi phí bằng tiền khác           | 3.350.316.209                | 5.736.897.571                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>58.411.604.618</u></b> | <b><u>45.387.370.647</u></b> |

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                 |                              |                              |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý       | 14.748.806.801               | 13.463.068.744               |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 789.295.883                  | 920.847.755                  |
| Chi phí dụng cụ quản lý         | 872.326.759                  | 708.699.981                  |
| Chi phí khấu hao                | 1.150.664.951                | 1.113.640.153                |
| Thuế phí và lệ phí              | 840.765.183                  | 823.769.262                  |
| Chi phí dự phòng                | 3.969.839.775                | 1.816.266.445                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài       | 969.365.178                  | 1.106.863.877                |
| Chi phí bằng tiền khác          | 6.695.850.775                | 6.029.313.133                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>30.036.915.305</u></b> | <b><u>25.982.469.350</u></b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Lợi nhuận khác**

|  | 2015                 | 2014                 |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                                   |                      |                      |
| Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định               | 40.909.091           | 38.810.240           |
| Thu thanh lý CCDC                                      | 794.545.455          | 8.237.788.182        |
| Doanh thu cho thuê                                     | 3.071.832.191        | 88.329.333           |
| Hoàn nhập chi bảo hành                                 | 1.410.058.905        | 764.042.336          |
| Hoàn lãi góp vốn Khu Dân cư Trương Định                | 173.838.958          | -                    |
| Thu tiền phạt  | 115.679.444          | 26.116.364           |
| Thu nhập khác  | 56.186.005           | 67.117.469           |
| <b>Cộng</b>  | <b>5.663.050.049</b> | <b>9.222.203.924</b> |
| <b>Chi phí khác</b>                                    |                      |                      |
| Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định                | 17.996.370           | -                    |
| Chi phí nhượng bán, thanh lý công cụ, dụng cụ          | 10.441.939           | 2.288.147.154        |
| Chi phí khấu hao của TSCĐ và phân bổ CCDC chưa sử dụng | 168.412.218          | 905.672.810          |
| Chi phí cho thuê tàu                                   | 1.086.525.497        | -                    |
| Chi phí các công trình không tiếp tục thi công         | 1.061.825.323        | -                    |
| Tiền phạt thuế, chậm nộp                               | 103.510.122          | 41.431.911           |
| Chi phí xử lý công nợ                                  | 1.284.692.073        | -                    |
| Chi phí khác   | 187.656.755          | 276.837.756          |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.921.060.297</b> | <b>3.512.089.631</b> |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>               | <b>1.741.989.752</b> | <b>5.710.114.293</b> |

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  |                        |                        |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                 | <b>63.617.993.229</b>  | <b>18.710.644.738</b>  |
| <b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>                                     | <b>9.526.890.648</b>   | <b>7.128.864.110</b>   |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng  | 10.416.935.367         | 7.733.077.101          |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm   | (890.044.719)          | (604.212.991)          |
| <b>Trừ: Chuyển lỗ</b>  | <b>(2.811.295.641)</b> | <b>(8.005.391.203)</b> |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>  | <b>70.333.588.236</b>  | <b>17.834.117.645</b>  |
| <b>Trong đó:</b>   |                        |                        |
| Thu nhập hoạt động ưu đãi  | 59.463.859.113         | 19.192.687.273         |
| Thu nhập hoạt động thông thường  | 11.862.353.320         | 8.077.748.194          |
| Lỗ tính thuế hoạt động thông thường                                      | (992.624.197)          | (9.436.317.822)        |
| <b>Thuế suất áp dụng</b>   |                        |                        |
| Thu nhập hoạt động ưu đãi  | 15%                    | 15%                    |
| Thu nhập hoạt động thông thường  | 22%                    | 22%                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                               | <b>11.529.296.598</b>  | <b>4.656.007.694</b>   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%                                 | (4.459.789.434)        | (1.439.451.546)        |
| Cộng: Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước                | 315.475.569            | 2.843.618              |
| Cộng: Chênh lệch thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu bất động sản trong năm | (66.747.350)           | 54.015.850             |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                      | <b>7.318.235.383</b>   | <b>3.273.415.616</b>   |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và 22% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2017). Năm 2015 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất áp dụng là 7,5% (giảm 50% của thuế suất 15%).
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài Khu Công nghiệp Mỹ Tho và thu nhập khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.
- Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong kỳ theo quy định.

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

##### a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|   | 2015                  | 2014                  |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     | <b>55.945.179.554</b> | <b>16.926.667.235</b> |
| Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | (6.153.969.751)       | (1.203.486.040)       |
| <b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>                      | <b>49.791.209.803</b> | <b>15.723.181.195</b> |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 10.000.000            | 10.000.000            |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b>4.979</b>          | <b>1.572</b>          |

##### b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

|  |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>   | <b>49.791.209.803</b> | <b>15.723.181.195</b> |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | -                     | -                     |
| <b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>  | <b>49.791.209.803</b> | <b>15.723.181.195</b> |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 10.000.000            | 10.000.000            |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm  | -                     | -                     |
| <b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>  | <b>10.000.000</b>     | <b>10.000.000</b>     |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>4.979</b>          | <b>1.572</b>          |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                           | <u>2015</u>                   | <u>2014</u>                   |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu   | 447.726.239.555               | 322.941.905.858               |
| Chi phí nhân viên         | 94.276.760.179                | 73.098.916.537                |
| Chi phí khấu hao          | 16.065.377.905                | 19.295.269.703                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 174.716.055.741               | 40.521.832.055                |
| Chi phí bằng tiền khác    | 29.272.823.643                | 23.804.674.331                |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>762.057.257.023</u></b> | <b><u>479.662.598.484</u></b> |

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

##### 1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

|   | <u>2015</u>   | <u>2014</u>    |
|---|---------------|----------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu                                 | 471.806.146   | 128.365.883    |
| Lãi cho vay phải thu  | -             | 3.539.267      |
| Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định năm trước đã trả trong kỳ | -             | -              |
| Chi phí lãi vay phải trả  | 2.208.265.247 | 84.393.835     |
| Cổ tức đã tạm ứng ở kỳ trước                                    | 3.000.000.000 | 2.400.000.000  |
| Cổ tức phải trả   | -             | 402.000.000    |
| Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển                               | -             | 20.000.000.000 |

##### 2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

|   |                    |             |
|---|--------------------|-------------|
| Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định                    | -                  | -           |
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ | 128.365.883        | 96.420.796  |
| Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong kỳ            | 3.539.267          | -           |
| Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ        | 84.393.835         | 115.826.040 |
| Cổ tức phải trả các năm trước đã trả trong năm            | <u>300.000.000</u> | <u>-</u>    |

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

|                            | <u>31/12/2015</u>            | <u>31/12/2014</u>            |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trong vòng 1 năm           | 1.071.426.630                | 1.036.592.332                |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 4.285.706.520                | 4.146.369.328                |
| Trên 5 năm                 | 28.715.100.666               | 28.829.454.609               |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>34.072.233.816</u></b> | <b><u>34.012.416.269</u></b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m<sup>2</sup> đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 299.395.600 VND.  
Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số 20).
- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003 và các Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004, Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m<sup>2</sup> đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/ m<sup>2</sup>/ năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m<sup>2</sup> đất có chiều dài cặp theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ.TĐ ngày 22 tháng 7 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với UBND tỉnh An Giang về việc thuê 13.290,2 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2008, đơn giá thuê là 2.450 VND/ m<sup>2</sup>/ năm.
- Hợp đồng thuê đất số 23/HĐ.TĐ ngày 11 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với UBND tỉnh An Giang về việc thuê 314,2 m<sup>2</sup> đất tại phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 31 tháng 7 năm 2008. Đơn giá thuê là 42.000 VND/ m<sup>2</sup>/ năm đối với vị trí 1 có diện tích là 243 m<sup>2</sup> và là 25.200 VND/m<sup>2</sup>/năm đối với vị trí 2 có diện tích là 71,2 m<sup>2</sup>.

## 2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

### Giao dịch với bên liên quan

#### Bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco

#### Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Testco như sau:

|                 | <u>2015</u> | <u>2014</u> |
|-----------------|-------------|-------------|
| Thuê thí nghiệm | 687.709.356 | 627.686.972 |
| Nhận cổ tức     | 35.100.000  | 36.533.446  |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư với Công ty Cổ phần Testco như sau:

|                                | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Trả trước tiền thuê thí nghiệm | 10.000.000        | -                 |
| Phải trả tiền thuê thí nghiệm  | 12.474.000        | 80.824.750        |
| Phải trả khác                  | 13.186.591        | 13.186.591        |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong năm, Công ty vay ngắn hạn các thành viên quản lý chủ chốt trong Công ty liên quan đến Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm (xem Thuyết minh số V.20) và số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

|  | <u>2015</u>   | <u>31/12/2015</u> |
|--|---------------|-------------------|
| <b>Các thành viên quản lý chủ chốt</b> |               |                   |
| Vay ngắn hạn                           | 8.887.200.000 | 8.887.200.000     |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư với thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|  | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| <b>Ông Nguyễn Hữu Hiệp - Phó Tổng Giám đốc</b> |                   |                   |
| Tạm ứng  | -                 | 52.400.000        |

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

|                          | <u>2015</u>          | <u>2014</u>          |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương, thưởng và phụ cấp | 2.986.736.985        | 2.807.236.898        |
| <b>Cộng</b>              | <u>2.986.736.985</u> | <u>2.807.236.898</u> |

### 3. Thông tin bộ phận

#### *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 6 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng (xí nghiệp trực thuộc).
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi và bê tông đúc sẵn. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con).
- Bộ phận thi công công trình xây dựng: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty, Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi (xí nghiệp trực thuộc), Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (công ty con) và Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (công ty con).
- Bộ phận thi công cơ giới: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Thi công cơ giới (xí nghiệp trực thuộc).
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa cổng cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa (xí nghiệp trực thuộc).
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                           | Kinh doanh vật liệu xây dựng | Sản xuất, kinh doanh bê tông | Thi công công trình    | Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí | Thi công cơ giới     | Kinh doanh bất động sản | Không phân bổ          | Tổng cộng các bộ phận  | Loại trừ số dư giữa các bộ phận | Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| <b>31/12/2015</b>         |                              |                              |                        |                                    |                      |                         |                        |                        |                                 |                                    |
| <b>Tài sản</b>            |                              |                              |                        |                                    |                      |                         |                        |                        |                                 |                                    |
| Tài sản bộ phận           | 11.204.216.058               | 241.740.610.909              | 152.605.956.858        | 4.531.400.519                      | 4.607.411.037        | 150.168.067.521         | -                      | 564.857.662.902        | (43.406.831.611)                | 521.450.831.291                    |
| Tài sản không phân bổ     | -                            | -                            | -                      | -                                  | -                    | -                       | 232.240.222.200        | 232.240.222.200        | (151.480.782.489)               | 80.759.439.711                     |
| <b>Tổng tài sản</b>       | <b>11.204.216.058</b>        | <b>241.740.610.909</b>       | <b>152.605.956.858</b> | <b>4.531.400.519</b>               | <b>4.607.411.037</b> | <b>150.168.067.521</b>  | <b>232.240.222.200</b> | <b>797.097.885.102</b> | <b>(194.887.614.100)</b>        | <b>602.210.271.002</b>             |
| <b>Nợ phải trả</b>        |                              |                              |                        |                                    |                      |                         |                        |                        |                                 |                                    |
| Nợ phải trả bộ phận       | 1.178.232.400                | 203.740.610.909              | 113.590.258.271        | 1.316.859.830                      | 1.018.666.169        | 40.468.853.587          | -                      | 361.313.481.166        | (116.362.843.878)               | 244.950.637.288                    |
| Nợ phải trả không phân bổ | -                            | -                            | -                      | -                                  | -                    | -                       | 152.353.859.258        | 152.353.859.258        | -                               | 152.353.859.258                    |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>   | <b>1.178.232.400</b>         | <b>203.740.610.909</b>       | <b>113.590.258.271</b> | <b>1.316.859.830</b>               | <b>1.018.666.169</b> | <b>40.468.853.587</b>   | <b>152.353.859.258</b> | <b>513.667.340.424</b> | <b>(116.362.843.878)</b>        | <b>397.304.496.546</b>             |
| <b>31/12/2014</b>         |                              |                              |                        |                                    |                      |                         |                        |                        |                                 |                                    |
| <b>Tài sản</b>            |                              |                              |                        |                                    |                      |                         |                        |                        |                                 |                                    |
| Tài sản bộ phận           | 4.013.357.745                | 166.532.894.445              | 139.143.873.457        | 7.361.072.747                      | 1.489.645.814        | 32.052.022.089          | -                      | 350.592.866.297        | (46.571.292.622)                | 304.021.573.675                    |
| Tài sản không phân bổ     | -                            | -                            | -                      | -                                  | -                    | -                       | 210.328.252.233        | 210.328.252.233        | (108.645.170.429)               | 101.683.081.804                    |
| <b>Tổng tài sản</b>       | <b>4.013.357.745</b>         | <b>166.532.894.445</b>       | <b>139.143.873.457</b> | <b>7.361.072.747</b>               | <b>1.489.645.814</b> | <b>32.052.022.089</b>   | <b>210.328.252.233</b> | <b>560.921.118.530</b> | <b>(155.216.463.051)</b>        | <b>405.704.655.479</b>             |
| <b>Nợ phải trả</b>        |                              |                              |                        |                                    |                      |                         |                        |                        |                                 |                                    |
| Nợ phải trả bộ phận       | 132.987.341                  | 130.066.664.308              | 130.856.556.621        | 3.620.806.863                      | 1.420.611.914        | 38.674.943.587          | -                      | 304.772.570.634        | (82.866.188.450)                | 221.906.382.184                    |
| Nợ phải trả không phân bổ | -                            | -                            | -                      | -                                  | -                    | -                       | 20.698.945.009         | 20.698.945.009         | -                               | 20.698.945.009                     |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>   | <b>132.987.341</b>           | <b>130.066.664.308</b>       | <b>130.856.556.621</b> | <b>3.620.806.863</b>               | <b>1.420.611.914</b> | <b>38.674.943.587</b>   | <b>20.698.945.009</b>  | <b>325.471.515.643</b> | <b>(82.866.188.450)</b>         | <b>242.605.327.193</b>             |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | Kinh doanh vật liệu xây dựng | Sản xuất, kinh doanh bê tông | Thi công công trình  | Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí | Thi công cơ giới       | Kinh doanh bất động sản | Không phân bổ         | Tổng cộng các bộ phận  | Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận | Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất |
|--|------------------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|
| <b>2015</b>  |                              |                              |                      |                                    |                        |                         |                       |                        |                                     |                                    |
| Doanh thu thuần bộ phận                                | 25.928.122.886               | 515.392.918.693              | 259.227.696.543      | 17.232.608.664                     | 4.326.169.718          | 10.618.503.464          | -                     | 832.726.019.968        | (133.254.907.498)                   | 699.471.112.470                    |
| Giá vốn bộ phận  | 23.028.467.239               | 392.838.973.948              | 240.035.570.737      | 15.104.504.938                     | 7.504.537.216          | 4.500.637.925           | -                     | 683.012.692.003        | (133.853.749.842)                   | 549.158.942.161                    |
| Chi phí bán hàng                                       | 1.321.766.776                | 56.401.172.736               | -                    | -                                  | -                      | 688.665.106             | -                     | 58.411.604.618         | -                                   | 58.411.604.618                     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 700.875.504                  | 11.773.178.110               | 13.015.085.599       | 1.353.042.856                      | 840.183.956            | 2.454.754.767           | -                     | 30.137.120.792         | (100.205.487)                       | 30.036.915.305                     |
| <b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>           | <b>877.013.367</b>           | <b>54.379.593.899</b>        | <b>6.177.040.207</b> | <b>775.060.870</b>                 | <b>(4.018.551.454)</b> | <b>2.974.445.666</b>    | <b>-</b>              | <b>61.164.602.555</b>  | <b>699.047.831</b>                  | <b>61.863.650.386</b>              |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 4.544                        | 996.081.754                  | 34.673.627           | 7.548.513                          | 1.176.394              | 5.275.480               | 59.645.316.162        | 60.690.076.474         | (57.415.775.027)                    | 3.274.301.447                      |
| Chi phí tài chính                                      | 18.560.918                   | 1.253.925.088                | 1.306.118.329        | 33.848.577                         | -                      | -                       | 940.300.139           | 3.552.753.051          | (231.867.060)                       | 3.320.885.991                      |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết    | -                            | -                            | -                    | -                                  | -                      | -                       | -                     | -                      | 58.937.635                          | 58.937.635                         |
| Thu nhập khác  | -                            | 794.919.214                  | 4.230.326.959        | 338.010.137                        | -                      | 11.000                  | 399.988.226           | 5.763.255.536          | (100.205.487)                       | 5.663.050.049                      |
| Chi phí khác   | -                            | 48.650.000                   | 3.792.541.167        | -                                  | -                      | -                       | 140.058.934           | 3.981.250.101          | (60.189.804)                        | 3.921.060.297                      |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                            | <b>858.456.993</b>           | <b>54.868.019.779</b>        | <b>5.343.381.297</b> | <b>1.086.770.943</b>               | <b>(4.017.375.060)</b> | <b>2.979.732.146</b>    | <b>58.964.945.315</b> | <b>120.083.931.413</b> | <b>(56.465.938.184)</b>             | <b>63.617.993.229</b>              |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành           | -                            | 4.859.052.925                | 1.535.602.115        | -                                  | -                      | 923.580.343             | -                     | 7.318.235.383          | -                                   | 7.318.235.383                      |
| Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | -                            | (439.303.706)                | 481.158.104          | -                                  | -                      | 91.143.241              | -                     | 132.997.639            | 155.668.541                         | 288.666.180                        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                              | <b>858.456.993</b>           | <b>50.448.270.560</b>        | <b>3.326.621.078</b> | <b>1.086.770.943</b>               | <b>(4.017.375.060)</b> | <b>1.965.008.562</b>    | <b>58.964.945.315</b> | <b>112.632.698.391</b> | <b>(56.621.606.725)</b>             | <b>56.011.091.666</b>              |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|  | Kinh doanh vật liệu xây dựng | Sản xuất, kinh doanh bê tông | Thi công công trình     | Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí | Thi công cơ giới     | Kinh doanh bất động sản | Không phân bổ         | Tổng cộng các bộ phận | Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận | Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất |
|--|------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------------------|
| <b>2014</b>  |                              |                              |                         |                                    |                      |                         |                       |                       |                                     |                                    |
| Doanh thu thuần bộ phận                                | 18.160.303.714               | 322.864.897.712              | 243.972.001.077         | 25.091.430.774                     | 818.937.436          | 33.229.636.514          | -                     | 644.137.207.227       | (119.088.429.077)                   | 525.048.778.150                    |
| Giá vốn bộ phận  | 15.403.420.982               | 251.993.585.727              | 244.152.918.239         | 20.711.332.885                     | 1.494.291.463        | 21.800.184.787          | -                     | 555.555.734.083       | (118.517.257.506)                   | 437.038.476.577                    |
| Chi phí bán hàng                                       | 1.919.179.320                | 42.060.545.228               | -                       | -                                  | -                    | 1.407.646.099           | -                     | 45.387.370.647        | -                                   | 45.387.370.647                     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 527.380.005                  | 7.885.933.736                | 12.739.022.413          | 1.230.761.367                      | 187.165.117          | 3.512.412.200           | -                     | 26.082.674.838        | (100.205.488)                       | 25.982.469.350                     |
| <b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>           | <b>310.323.407</b>           | <b>20.924.833.021</b>        | <b>(12.919.939.575)</b> | <b>3.149.336.522</b>               | <b>(862.519.144)</b> | <b>6.509.393.428</b>    | <b>-</b>              | <b>17.111.427.659</b> | <b>(470.966.083)</b>                | <b>16.640.461.576</b>              |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 16.833                       | 38.666.553                   | 43.097.110              | 7.589.728                          | 89.902               | 5.239.934               | 20.332.758.419        | 20.427.458.479        | (19.170.408.182)                    | 1.257.050.297                      |
| Chi phí tài chính                                      | 14.059.183                   | 1.852.187.610                | 2.834.919.549           | 86.281.964                         | -                    | -                       | 603.486.167           | 5.390.934.473         | (451.790.911)                       | 4.939.143.562                      |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết    | -                            | -                            | -                       | -                                  | -                    | -                       | -                     | -                     | 42.162.134                          | 42.162.134                         |
| Thu nhập khác  | -                            | 26.116.364                   | 17.026.733.146          | 327.850.384                        | -                    | 2.953                   | 1.360.258.016         | 18.740.960.863        | (9.518.756.939)                     | 9.222.203.924                      |
| Chi phí khác   | -                            | 39.331.911                   | 3.716.273.599           | -                                  | -                    | 22.000.000              | 245.727.187           | 4.023.332.697         | (511.243.066)                       | 3.512.089.631                      |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                            | <b>296.281.057</b>           | <b>19.098.096.417</b>        | <b>(2.401.302.467)</b>  | <b>3.398.494.670</b>               | <b>(862.429.242)</b> | <b>6.492.636.315</b>    | <b>20.843.803.081</b> | <b>46.865.579.831</b> | <b>(28.154.935.093)</b>             | <b>18.710.644.738</b>              |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành           | -                            | 1.562.251.754                | 319.218.631             | -                                  | -                    | 1.391.945.231           | -                     | 3.273.415.616         | -                                   | 3.273.415.616                      |
| Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | -                            | -                            | 410.630.268             | -                                  | -                    | 92.529.930              | -                     | 503.160.198           | (2.078.116.900)                     | (1.574.956.702)                    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                              | <b>296.281.057</b>           | <b>17.535.844.663</b>        | <b>(3.131.151.366)</b>  | <b>3.398.494.670</b>               | <b>(862.429.242)</b> | <b>5.008.161.154</b>    | <b>20.843.803.081</b> | <b>43.089.004.017</b> | <b>(26.076.818.193)</b>             | <b>17.012.185.824</b>              |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Bộ phận theo khu vực địa lý*

Hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở 2 khu vực là tỉnh An Giang và tỉnh Tiền Giang:

- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh An Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang;
- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh Tiền Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Xí nghiệp trực thuộc và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO).

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

|                 | 2015                           |                           |   | 2014                           |                           |   |
|-----------------|--------------------------------|---------------------------|---|--------------------------------|---------------------------|---|
|                 | Doanh thu thuần khu vực địa lý | Loại trừ giao dịch nội bộ | Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất | Doanh thu thuần khu vực địa lý | Loại trừ giao dịch nội bộ | Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất |
| Tỉnh An Giang   | 17.895.983.637                 | (2.569.249.091)           | 15.326.734.546                              | 20.368.774.258                 | (8.811.391.051)           | 11.557.383.207                              |
| Tỉnh Tiền Giang | 814.830.036.331                | (130.685.658.407)         | 684.144.377.924                             | 623.768.432.969                | (110.277.038.026)         | 513.491.394.943                             |
| <b>Cộng</b>     | <b>832.726.019.968</b>         | <b>(133.254.907.498)</b>  | <b>699.471.112.470</b>                      | <b>644.137.207.227</b>         | <b>(119.088.429.077)</b>  | <b>525.048.778.150</b>                      |

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

|                 | Giá trị còn lại của tài sản theo khu vực địa lý |                        |   |                              |                        |   |
|-----------------|---|------------------------|---|------------------------------|------------------------|---|
|                 | 31/12/2015                                      |                        | 31/12/2014                                |                              |                        |   |
|                 | Số dư tài sản khu vực địa lý                    | Loại trừ số dư nội bộ  | Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất | Số dư tài sản khu vực địa lý | Loại trừ số dư nội bộ  | Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất |
| Tỉnh An Giang   | 12.057.809.060                                  | 38.333.342             | 12.096.142.402                            | 9.963.607.550                | (267.029.397)          | 9.696.578.153                             |
| Tỉnh Tiền Giang | 100.220.396.467                                 | (7.758.367.648)        | 92.462.028.819                            | 90.528.096.285               | (6.196.229.055)        | 84.331.867.230                            |
| <b>Cộng</b>     | <b>112.278.205.527</b>                          | <b>(7.720.034.306)</b> | <b>104.558.171.221</b>                    | <b>100.491.703.835</b>       | <b>(6.463.258.452)</b> | <b>94.028.445.383</b>                     |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Tăng tài sản cố định**

|                 | 2015                             |                           |   | 2014                             |                           |   |
|-----------------|----------------------------------|---------------------------|---|----------------------------------|---------------------------|---|
|                 | Tăng tài sản theo khu vực địa lý | Loại trừ giao dịch nội bộ | Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất | Tăng tài sản theo khu vực địa lý | Loại trừ giao dịch nội bộ | Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất |
| Tỉnh An Giang   | 4.372.168.015                    | -                         | 4.372.168.015                                 | 786.100.000                      | -                         | 786.100.000                                   |
| Tỉnh Tiền Giang | 24.939.477.329                   | (1.512.649.085)           | 23.426.828.244                                | 22.982.725.708                   | (11.089.159.926)          | 11.893.565.782                                |
| <b>Cộng</b>     | <b>29.311.645.344</b>            | <b>(1.512.649.085)</b>    | <b>27.798.996.259</b>                         | <b>23.768.825.708</b>            | <b>(11.089.159.926)</b>   | <b>12.679.665.782</b>                         |

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 4. Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

|   | <u>31/12/2015</u>       | <u>31/12/2014</u>        |
|---|-------------------------|--------------------------|
| Các khoản vay                             | 211.365.356.853         | 76.095.005.314           |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền   | <u>(82.141.015.819)</u> | <u>(112.384.155.114)</u> |
| Nợ thuần                                  | 129.224.341.034         | (36.289.149.800)         |
| Vốn chủ sở hữu                            | <u>199.714.976.407</u>  | <u>157.997.155.026</u>   |
| <b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b> | <b><u>65%</u></b>       | <b><u>-23%</u></b>       |

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

### Các loại công cụ tài chính

|                                    | <u>31/12/2015</u>             |                               | <u>31/12/2014</u>             |                               |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                    | <u>Giá trị ghi sổ</u>         | <u>Giá trị hợp lý</u>         | <u>Giá trị ghi sổ</u>         | <u>Giá trị hợp lý</u>         |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                               |                               |                               |                               |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 82.141.015.819                | 82.141.015.819                | 112.384.155.114               | 112.384.155.114               |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn    | 35.137.639.389                | 35.137.639.389                | -                             | -                             |
| Phải thu của khách hàng            | 141.279.841.440               | 141.279.841.440               | 102.015.168.721               | 102.015.168.721               |
| Phải thu về cho vay                | -                             | -                             | 177.000.000                   | 177.000.000                   |
| Phải thu khác                      | 6.810.430.461                 | 6.810.430.461                 | 5.026.785.552                 | 5.026.785.552                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>265.368.927.109</u></b> | <b><u>265.368.927.109</u></b> | <b><u>219.603.109.387</u></b> | <b><u>219.603.109.387</u></b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                               |                               |                               |                               |
| Phải trả người bán                 | 88.882.540.162                | 88.882.540.162                | 60.412.552.654                | 60.412.552.654                |
| Chi phí phải trả                   | 31.351.790.264                | 31.351.790.264                | 30.529.532.178                | 30.529.532.178                |
| Phải trả khác                      | 3.954.445.709                 | 3.954.445.709                 | 4.531.338.307                 | 4.531.338.307                 |
| Các khoản vay                      | 211.365.356.853               | 211.365.356.853               | 76.095.005.314                | 76.095.005.314                |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>335.554.132.988</u></b> | <b><u>335.554.132.988</u></b> | <b><u>171.568.428.453</u></b> | <b><u>171.568.428.453</u></b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của vật tư mua vào.

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                     | Trong vòng 1 năm        | Trên 1 năm đến 5 năm   | Trên 5 năm | Cộng                    |
|-------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------|-------------------------|
| <b>31/12/2015</b>                   |                         |                        |            |                         |
| <b>Tài sản tài chính</b>            |                         |                        |            |                         |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 82.141.015.819          | -                      | -          | 82.141.015.819          |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn     | 7.537.639.389           | 27.600.000.000         | -          | 35.137.639.389          |
| Phải thu của khách hàng             | 141.279.841.440         | -                      | -          | 141.279.841.440         |
| Phải thu về cho vay                 | -                       | -                      | -          | -                       |
| Phải thu khác                       | 6.741.430.461           | 69.000.000             | -          | 6.810.430.461           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>237.699.927.109</b>  | <b>27.669.000.000</b>  | <b>-</b>   | <b>265.368.927.109</b>  |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>        |                         |                        |            |                         |
| Phải trả người bán                  | 88.882.540.162          | -                      | -          | 88.882.540.162          |
| Chi phí phải trả                    | 31.351.790.264          | -                      | -          | 31.351.790.264          |
| Phải trả khác                       | 3.954.445.709           | -                      | -          | 3.954.445.709           |
| Các khoản vay                       | 179.580.763.853         | 31.784.593.000         | -          | 211.365.356.853         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>303.769.539.988</b>  | <b>31.784.593.000</b>  | <b>-</b>   | <b>335.554.132.988</b>  |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>(66.069.612.879)</b> | <b>(4.115.593.000)</b> | <b>-</b>   | <b>(70.185.205.879)</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                     | <b>Trong vòng 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>31/12/2014</b>                   |                         |                             |                   |                        |
| <b>Tài sản tài chính</b>            |                         |                             |                   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 112.384.155.114         | -                           | -                 | 112.384.155.114        |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn     | -                       | -                           | -                 | -                      |
| Phải thu của khách hàng             | 102.015.168.721         | -                           | -                 | 102.015.168.721        |
| Phải thu về cho vay                 | 177.000.000             | -                           | -                 | 177.000.000            |
| Phải thu khác                       | 4.338.766.164           | 688.019.388                 | -                 | 5.026.785.552          |
| <b>Cộng</b>                         | <b>218.915.089.999</b>  | <b>688.019.388</b>          | <b>-</b>          | <b>219.603.109.387</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>        |                         |                             |                   |                        |
| Phải trả người bán                  | 60.412.552.654          | -                           | -                 | 60.412.552.654         |
| Chi phí phải trả                    | 30.529.532.178          | -                           | -                 | 30.529.532.178         |
| Phải trả khác                       | 4.531.338.307           | -                           | -                 | 4.531.338.307          |
| Các khoản vay                       | 70.334.005.314          | 5.761.000.000               | -                 | 76.095.005.314         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>165.807.428.453</b>  | <b>5.761.000.000</b>        | <b>-</b>          | <b>171.568.428.453</b> |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>53.107.661.546</b>   | <b>(5.072.980.612)</b>      | <b>-</b>          | <b>48.034.680.934</b>  |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**5. Số liệu so sánh**

Một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

|                                    | <b>31/12/2014<br/>(Đã được trình bày trước đây)</b> | <b>Trình bày lại</b> | <b>31/12/2014<br/>(Được trình bày lại)</b> |
|------------------------------------|---|----------------------|--|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            |   |                      |  |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 177.000.000   | (177.000.000)        | -  |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 118.671.291.456                                     | (397.848.337)        | 118.273.443.119                            |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 3.487.157.604                                       | (151.177.000)        | 3.335.980.604                              |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn       | -   | 177.000.000          | 177.000.000                                |
| Phải thu ngắn hạn khác             | 5.098.248.642                                       | 7.886.528.752        | 12.984.777.394                             |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (17.042.268.718)                                    | 480.025.337          | (16.562.243.381)                           |
| Tài sản thiếu chờ xử lý            | -   | 41.000.000           | 41.000.000                                 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                   | <u>31/12/2014</u><br>(Đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại   | <u>31/12/2014</u><br>(Được trình bày lại) |
|-----------------------------------|--|-----------------|---|
| Chi phí trả trước ngắn hạn        | 211.625.768  | 32.894.846      | 244.520.614                               |
| Tài sản ngắn hạn khác             | 7.927.528.752                                      | (7.927.528.752) | -   |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>            |  |                 |   |
| Phải thu dài hạn của khách hàng   | -  | 397.848.337     | 397.848.337                               |
| Trả trước cho người bán dài hạn   | -  | 82.177.000      | 82.177.000                                |
| Phải thu dài hạn khác             | -  | 688.019.388     | 688.019.388                               |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | -  | (480.025.337)   | (480.025.337)                             |
| Chi phí trả trước dài hạn         | 3.339.822.810                                      | (32.894.846)    | 3.306.927.964                             |
| Tài sản dài hạn khác              | 619.019.388  | (619.019.388)   | -   |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>             |  |                 |   |
| Quỹ đầu tư phát triển             | 21.161.960.295                                     | 7.906.133.465   | 29.068.093.760                            |
| Quỹ dự phòng tài chính            | 7.906.133.465                                      | (7.906.133.465) | -   |

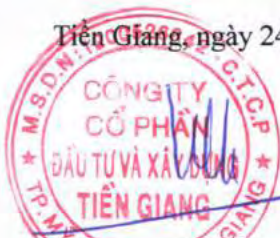
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

|                            | <u>2014</u><br>(Đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | <u>2014</u><br>(Được trình bày lại) |
|----------------------------|--|---------------|-------------------------------------|
| Thu nhập khác              | 9.237.939.139                                | (15.735.215)  | 9.222.203.924                       |
| Chi phí khác               | 3.527.824.846                                | (15.735.215)  | 3.512.089.631                       |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 1.693  | (120)         | 1.572                               |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | -  | 1.572         | 1.572                               |

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2016



TRẦN HOÀNG HUÂN  
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG  
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG  
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo